

Quận 1, ngày 15 tháng 07 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Khương Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 như sau:

Số TT	Nội dung	Tồn đầu	Thu trong kỳ	ĐV tính: ngàn đồng	
				Ước thực hiện chi 6 tháng 2024	Số dư còn lại tại ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Số thu từ nguồn thu khác	6.547.577.429	8.032.887.000	7.503.620.489	7.076.843.940
	Tổ chức phục vụ ,QI và VSBT	67.102.414	917.750.000	749.661.288	235.191.126
	Thiết bị, vật dụng PVHSBT	7.397.632	450.000	-	7.847.632
	Tăng cường Tiếng Anh	11.593.248	229.380.000	176.887.088	64.086.160
	Giấy thi ,học phẩm	14.983.843	-	5.974.500	9.009.343
	Tiền ăn BT	259.111.677	1.809.360.000	1.509.200.000	559.271.677
	Tiền gửi Tiền điện	29.562.786	114.656.000	112.383.686	31.835.100
	Nước uống BT	-	49.143.000	40.183.000	8.960.000
	Tin học IC3	42.994.512	88.145.000	78.346.500	52.793.012
	Anh văn giao tiếp K6	110.243.534	1.110.085.000	780.141.860	440.186.674
	Năng khiếu K6	126.689.345	747.230.000	398.480.659	475.438.686
	Robotic K6	69.046.189	703.384.500	525.296.200	247.134.489
	Toán tư duy K6	68.194.936	465.052.000	214.661.065	318.585.871
	Ngoại khóa K6	47.900.517	584.163.000	551.364.426	80.699.091
	CSVC K6	1.801.523.544	608.741.000	100.630.720	2.309.633.824
	Câu lạc bộ STEM	20.360.732	77.775.000	74.431.544	23.704.188
	tin học ICDL	76.178.327	478.072.500	251.238.340	303.012.487
	Khai thác CSVC	239.871.300	49.500.000	3.475.000	285.896.300
	Hoạt động dịch vụ	284.120.000	-	-	284.120.000
	Quỹ khen thưởng	512.787.494	-	219.200.000	293.587.494
	Quỹ phúc lợi	739.082.050	-	343.600.000	395.482.050
	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	304.008.176	-	107.857.413	196.150.763
	Quỹ bổ sung thu nhập	1.481.170.173	-	1.023.000.000	458.170.173
	Nguồn tài trợ CMHS	233.655.000	-	237.607.200	-3.952.200
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.334.981.917	11.345.991.000	4.344.642.209	8.336.330.708
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	108.229.555	6.762.367.000	3.170.607.158	3.699.989.397
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.226.752.362	4.583.624.000	1.174.035.051	4.636.341.311

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



* Cao Đức Khoa